

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2019

(ÁP DỤNG CHO CÁC ĐOÀN KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 194 Tôn Đức Thắng, K2, P.8, Tp. Sóc Trăng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng

Giám đốc: NGUYỄN THỊ MỸ HÀ

Di động: 0949689199. Email: bsmysthast@gmail.com

THÔNG TIN ĐOÀN KIỂM TRA

Đoàn kiểm tra Chất lượng bệnh viện năm 2019 được thành lập theo Quyết định số 44/QĐ-SYT ngày 14/10/2019 của Giám đốc Sở y tế tỉnh Sóc Trăng bao gồm các thành viên:

1. Ông Trần Thành Tuần, PGĐ SYT, trưởng đoàn kiểm tra
2. Ông Bùi Đình Công, Tp. Nghiệp vụ Y - SYT, Phó trưởng đoàn
3. Ông Lý Quốc Trung, Phó Tp. Nghiệp vụ Y - SYT, thư ký
4. Bà Huỳnh Thị Mỹ Nga, TP. Nghiệp vụ Dược
5. Ông Nguyễn Văn Minh, Phó Tp. TCCB - SYT
6. Ông Nguyễn Văn Ni, Phó Tp. KH-TC - SYT
7. Ông Nguyễn Văn Đồi, chuyên viên phòng Nghiệp vụ Dược
8. Ông Hồ Quang Hồng, GĐ BV 27.2
9. Ông Hà Hoàng Chính, GĐ BV 30.4
10. Ông Võ Quang Hà, PGĐ TTYT dự phòng tỉnh
11. Bà Đinh Thị Thanh Thủy, PGĐ TTCSSKSS
12. Bà Trương Thị Minh Nguyệt, TK KSNK Bệnh viện Sản Nhi
13. Ông Lê Thanh Mộng, Tp. ĐD, BV ĐK tỉnh
14. Ông Âu Hữu Đức, TP. KHTH-QLCL BV Sản Nhi
15. Bà Hứa Thị Phú Dung, Phó TP. KHTH-QLCL BV ĐK tỉnh
16. Bà Huỳnh Thị Giáng Kiều, TT TTGDSK

TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 82/83 TIÊU CHÍ
2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 99%
3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 293 (Có hệ số: 320)
4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.60

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	9	25	40	8	82
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	10.98	30.49	48.78	9.76	82

Ngày 06 tháng 01 năm 2020.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(đã ký)

THƯ KÝ ĐOÀN
(đã ký)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(đã ký)

BÁO CÁO ĐOÀN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2019

I. KẾT QUẢ ĐOÀN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2019	Đoàn KT đánh giá NĂM 2019	Chi tiết
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)			
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)			
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4	5	
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	4	4	
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4	4	
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	4	4	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4	4	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	3	
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)			
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4	4	
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	4	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	5	
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	3	3	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	3	3	
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)			
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5	5	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	4	4	
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)			
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	4	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4	4	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	4	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	0	0	
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	3	4	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	5	
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)			
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)			
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	3	3	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	4	4	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3	3	
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2019	Đoàn KT đánh giá NĂM 2019	Chi tiết
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	4	4	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	3	3	
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	4	
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)			
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	4	4	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	4	4	
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	3	3	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	3	3	
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)			
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	4	4	
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	4	4	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	3	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4	4	
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)			
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)			
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	3	3	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	3	3	
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)			
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	4	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	3	3	
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)			
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	4	5	
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4	4	
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)			
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	4	4	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	5	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4	4	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	4	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	4	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	4	
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)			
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	3	3	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	3	4	
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	4	4	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	3	4	
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	3	3	
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2019	Đoàn KT đánh giá NĂM 2019	Chi tiết
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	4	4	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4	4	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	3	3	
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)			
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	2	2	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	2	2	
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	3	3	
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4	4	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	2	2	
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)			
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3	3	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	2	
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)			
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	3	2	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	3	3	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	3	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4	3	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	4	4	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	2	2	
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)			
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3	3	
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3	3	
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)			
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)			
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	4	5	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	3	3	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	4	4	
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)			
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	2	2	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	3	3	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3	3	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	3	2	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	2	2	
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2019	Đoàn KT đánh giá NĂM 2019	Chi tiết
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	3	4	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	3	4	
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	4	
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA			
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)			
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	4	4	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	4	4	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4	4	
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	4	5	

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

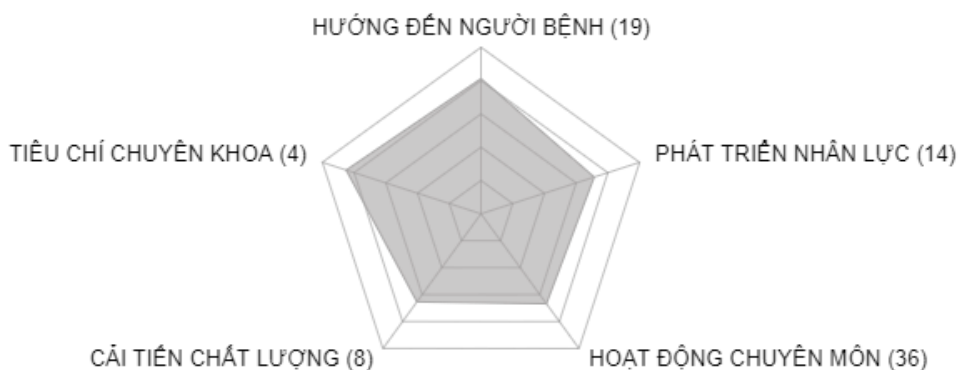
KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	3	11	4	4.06	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	1	4	1	4.00	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	2	2	1	3.80	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	1	1	4.50	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	0	4	1	4.20	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	0	6	8	0	3.57	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	2	1	0	3.33	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	2	2	0	3.50	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	1	3	0	3.75	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	6	13	14	2	3.34	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	1	1	0	3.50	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	0	1	1	4.50	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	0	5	1	4.17	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	0	2	3	0	3.60	5
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	3	1	1	0	2.60	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	1	1	0	0	2.50	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	2	3	1	0	2.83	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	3	3	4	1	3.27	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	1	1	1	4.00	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	3	2	0	0	2.40	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	0	0	3	1	4.25	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	0	0	3	0	4.00	3

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC KIỂM TRA BỆNH VIỆN

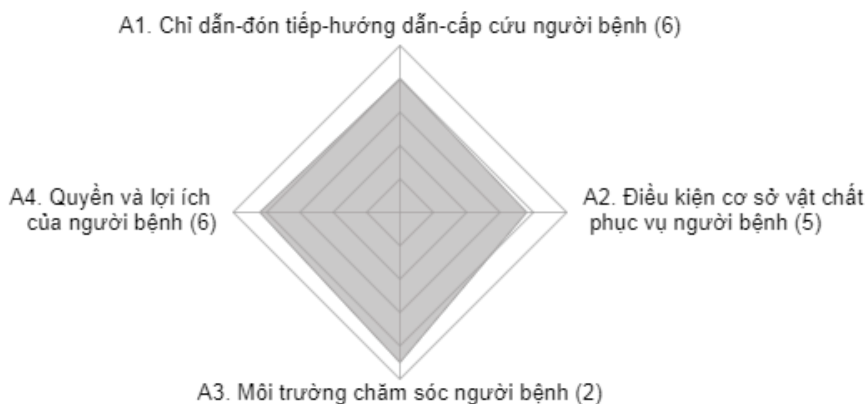
Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra bệnh viện Sản Nhi theo Kế hoạch số 57/KH-SYT ngày 10/10/2019 - Tiến độ thời gian Bắt đầu từ 8 giờ ngày 20/12/2019 và hoàn thành kiểm tra lúc 16g45 ngày 20/12/2019 - Khối lượng công việc thực hiện: Kiểm tra thông tin hoạt động bệnh viện; đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, và phỏng vấn 30 người bệnh Nội trú, 30 người bệnh ngoại trú. - Số lượng tiêu chí áp dụng: 82/83, tỷ lệ áp dụng: 99 phần trăm - Kết quả đánh giá chung: Tổng số điểm: 293 điểm; Điểm trung bình (Mức): 3.60 ; Số lượng tiêu chí theo các mức: Mức 1: 0 TC, tỷ lệ 0 phần trăm; Mức 2: 9 TC, tỷ lệ 10.98 phần trăm; Mức 3: 25 TC, tỷ lệ 30.49 phần trăm; Mức 4: 40 TC, tỷ lệ 48.78 phần trăm; Mức 5: 8 TC, tỷ lệ 9.76 phần trăm; - Số lượng tiêu chí không áp dụng; 1.

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

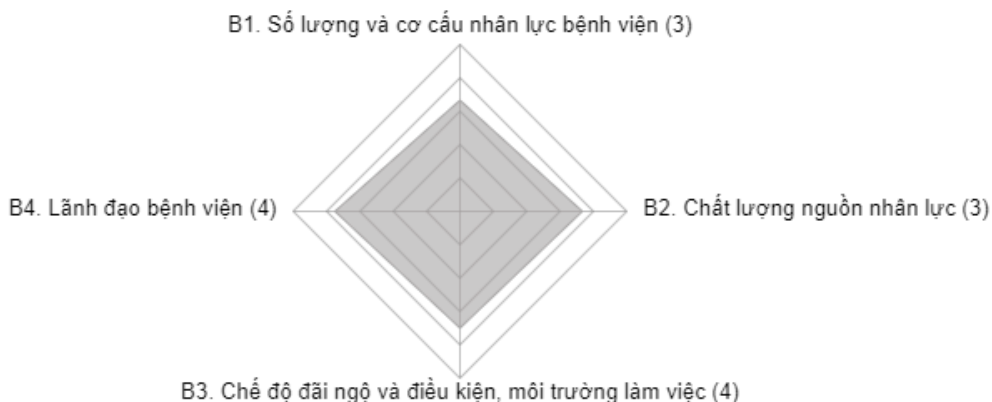
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



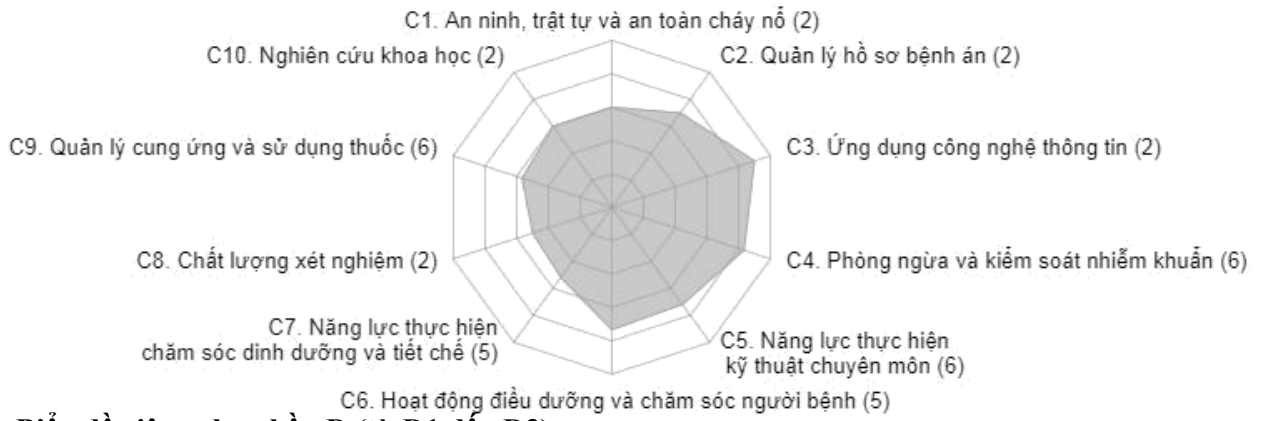
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



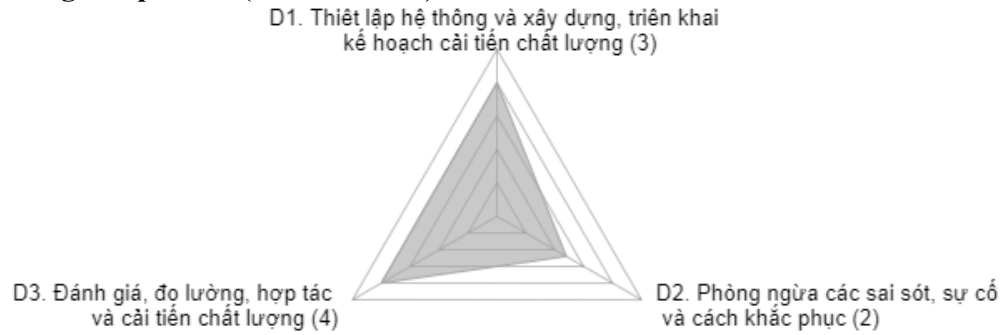
- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



- e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)**



IV. ĐOÀN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- Nhiều hoạt động cải tiến chất lượng và chuyên môn được triển khai
- Các hạn chế trong năm 2018 được khắc phục

V. ĐOÀN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VỀ ƯU ĐIỂM CỦA BỆNH VIỆN

A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH

- Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể
- Phòng chờ, khu vực sảnh chờ đầy đủ tiện nghi
- Quy trình khám bệnh đáp ứng được sự hài lòng của người bệnh
- Đảm bảo được các điều kiện cấp cứu kịp thời
- Có đầy đủ nhà vệ sinh cho bệnh nhân, các phòng vệ sinh sạch sẽ
- Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ
- Cung cấp đủ nước uống cho người bệnh
- Có đủ xe lăn tại phòng khám, người bệnh dễ tiếp cận, có lối đi cho xe lăn
- Quang cảnh sạch đẹp, có công viên, cây xanh, đài phun nước
- Có đầy đủ tủ giữ đồ cho người bệnh, có tổ chức tập huấn và thực hiện 5S
- Bệnh viện có nội quy, qui định rõ ràng
- Quy định về quản lý HSBA chặt chẽ.
- Có chia khu vực bệnh nhân nam nữ riêng biệt
- Công bố giá viện phí rõ ràng và có bảng kê chi phí điều trị đầy đủ
- Số điện thoại đường dây nóng được niêm yết rõ ràng, có phân công trực đường dây nóng cụ thể
- Có khảo sát hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú đầy đủ theo qui định, có cải tiến vấn đề chưa hài lòng của người bệnh

B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Có bảng kế hoạch phát triển nhân lực hàng năm và tổng thể
- Có thống kê các chỉ số liên quan đến số lượng nhân lực
- Có quy định cụ thể khi tuyển dụng
- Có xây dựng đề án vị trí việc làm
- Có KH đào tạo cho nhân viên y tế, có tổ chức thi tay nghề
- Tỷ lệ nhân viên đào tạo CME đạt yêu cầu trên 50 phần trăm
- Có mở các lớp tập huấn giao tiếp ứng xử
- Có xây dựng KH phát triển bệnh viện tổng thể và hàng năm
- Qui hoạch vị trí lãnh đạo quản lý đầy đủ
- Có nâng lương trước thời hạn
- Có đủ lực lượng bảo vệ, có kiểm tra thường xuyên, có cảnh báo chống mất trộm
- Có đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy, có tập huấn hàng năm
- Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế
- Áp dụng tốt các giải pháp CNTT trong công tác quản lý
- Hồ sơ bệnh án ghi chép đầy đủ, rõ ràng đúng theo qui định
- Có xây dựng phác đồ điều trị và qui trình kỹ thuật phù hợp với đơn vị
- Bình bệnh án, toa thuốc đầy đủ
- Có tiến hành kiểm tra đánh giá các qui trình kỹ thuật, kiểm tra HSBA
- Triển khai nhiều kỹ thuật mới trong năm
- Hệ thống KSNK hoạt động đầy đủ
- Thực hiện tốt các quy trình KSNK
- Chương trình vệ sinh tay được triển khai tốt
- Thực hiện tốt KSNK bệnh viện
- Phân loại chất thải tại nguồn, hệ thống xử lý chất thải hoạt động tốt
- Có thành lập P.ĐD, HĐ ĐD, có kế hoạch hoạt động
- Có khảo sát 10 chỉ số chất lượng chăm sóc người bệnh
- Có qui định về tư vấn GDSK cho người bệnh
- Có qui định về theo dõi CS VSCN và PHCN cho người bệnh
- Có thành lập tổ dinh dưỡng, lãnh đạo tổ dinh dưỡng có chứng chỉ dinh dưỡng lâm sàng
- Có hướng dẫn chế độ ăn theo qui định
- Có mẫu phiếu đánh giá, sàng lọc tình trạng dinh dưỡng
- Có góc truyền thông về dinh dưỡng ở các khoa lâm sàng
- Khoa xét nghiệm có nhân viên có trình độ sau đại học đúng chuyên ngành
- Thực hiện nội kiểm đầy đủ
- Có đề tài sáng kiến đạt giải cấp tỉnh (3 giải)

D. CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Hệ thống QLCL được xây dựng đầy đủ và hoạt động tốt

- Triển khai chỉ số chất lượng và đề án cải tiến chất lượng tốt
- Xây dựng hệ thống báo cáo sự cố hoạt động tốt
- Đánh giá bộ tiêu chí chất lượng hàng quý
- Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu tốt
- Có xây dựng bảng kiểm và tiến hành đánh giá các qui trình kỹ thuật
- Có gửi poster tham dự HN ATNB và cung cấp bằng chứng kiểm tra trên trang web của

BYT E. TIÊU CHÍ CHUYÊN KHOA

- Có Bs CKII Sản
- Công tác truyền thông về SKSS hoạt động tốt. Tổ chức các lớp học tiền sản thường xuyên
- Thực hiện tốt việc nuôi con bằng sữa mẹ
- Có Bs CKII Nhi, có khoa sơ sinh, có trung tâm bệnh lý nhi khoa chuyên sâu
- Tỷ lệ CNĐD chiếm 59 phần trăm tổng số ĐD Khoa nhi

VI. ĐOÀN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VỀ NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH

B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Chưa tiến hành đánh giá việc thực hiện các chỉ số nhân lực theo kế hoạch
- Hồ sơ sức khỏe nhân viên chưa quản lý bằng phần mềm

- Số lượng đội phòng cháy chưa đủ theo qui định
- Toàn bộ NB CSII chưa được chăm sóc toàn diện
- Chưa cung cấp suất ăn bệnh lý
- Chưa áp dụng bệnh án điện tử,
- Chưa sử dụng phần mềm tin học để giám sát việc kê toa thuốc
- Thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm chưa đúng theo hợp đồng
- Nhân viên khoa dược không nắm được các VB chuyên môn về dược
- Chưa tiến hành đánh giá về thực hành bảo quản thuốc
- Chưa có phương án tổ chức cung ứng thuốc hiếm
- Nhân viên khoa lâm sàng không nắm vững quy trình giám sát sử dụng các thuốc có nguy cơ ADR
- Hội đồng thuốc và điều trị chưa phân tích sử dụng thuốc

- Chưa có giường chuyên dụng cho HSCC
- Chưa áp dụng tốt bảng kiểm chống nhầm lẫn người bệnh
- Chiều cao lan can chưa đạt yêu cầu về chống té ngã.

E. TIÊU CHÍ CHUYÊN KHOA

- Chưa có ngân hàng sữa mẹ tại BV

VII. ĐOÀN KIỂM TRA ĐỀ XUẤT CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẦN CẢI TIẾN

VIII. Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA BỆNH VIỆN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của đoàn kiểm tra, đặc biệt là trưởng đoàn.
- BGĐ BV sẽ tổ chức họp sớm để đưa ra kế hoạch cho năm sau.
- Những hạn chế về Dược sẽ được BGĐ quan tâm nhiều trong năm tới.
- Đề nghị:

Di dời bệnh viện: đơn vị chưa rõ kế hoạch cụ thể để có thể chủ động trong việc củng cố cơ sở hạ tầng phục vụ người bệnh

Số giường bệnh cơ sở mới không đủ đáp ứng tình hình hiện tại.

Cơ sở mới không có lò đốt rác

IX. KẾT LUẬN CỦA TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

- Củng cố HD QLCL, xây dựng kế hoạch trong năm sau.
- Quan tâm ATNB, xây dựng tốt các qui trình, kiểm soát và triển khai đến tất cả nhân viên.
- Quản lý trang thiết bị tốt tại đơn vị.
- Củng cố các qui trình trong quản lý dược, xây dựng và tập huấn thêm cho nhân viên.
- Quan tâm quản lý sự cố y khoa tại đơn vị. Quan tâm nhiều hơn trong công tác báo cáo ADR
- Quan tâm công tác dược lâm sàng tại đơn vị
- Đơn vị chuẩn bị công việc cho HD đấu thầu thuốc địa phương cần đồng loạt, rõ ràng tránh mất thời gian
- Tài chính: xây dựng kế hoạch kiểm soát thu chi,
- BHYT: cần có kế hoạch kiểm soát việc vượt quỹ, tránh thất thoát và xuất toán. Cần giám sát, kiểm tra và đánh giá.
- Quan tâm luật khám chữa bệnh BHYT, quyền được khám BHYT của người bệnh.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(đã ký)

THƯ KÝ ĐOÀN
(đã ký)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
(đã ký)

BẢNG TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM

Chất lượng bệnh viện, Đổi mới phong cách thái độ phục vụ cán bộ y tế,
xây dựng cơ sở y tế Xanh Sạch Đẹp, giảm tải chất thải nhựa, công khai tài chính hướng tới
sự hài lòng của người bệnh

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 1205/KH-BYT ngày 23 tháng 10 năm 2019)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên bệnh viện: **Bệnh viện Sản Nhi - Sóc Trăng**

Tuyến bệnh viện: **Phụ sản, Nhi**

Hạng bệnh viện: **Hạng II**

Ngày kiểm tra: **20/12/2019**

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

CHI TIẾT TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	BỆNH VIỆN CHẤM	SỞ Y TẾ CHẤM
Phần A: Kết quả chấm điểm công tác triển khai thực hiện	20.00	17.90	17.90
Phần B: Kết quả khảo sát sự hài lòng người bệnh	80.00	71.14	74.70
Phần C: Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam	200.00	140.22	143.20
KẾT QUẢ CHUNG	300.00	229.26	235.80

**GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN**
(Đã ký)

**THƯ KÝ
ĐOÀN**
(Đã ký)

**TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA**
(Đã ký)